

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ - ST

Ngày 03 tháng 02 năm 2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Thanh Hương

2. Bà Bùi Thị Thu Hiền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2020/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn , xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt).

- Bị đơn: Chị Phạm Trần Tuyết A, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/6/2020 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:* Anh kết hôn với chị Phạm Trần Tuyết A ngày 05/12/2011, trước khi cưới có được tự do, tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Do năm 2001 anh làm công nhân ở P, Tân Thành, anh và chị A quen nhau, yêu nhau và kết hôn cùng nhau ở P. Sau ngày cưới vợ chồng anh thuê nhà ở khu 5, xã P, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (nay là phường P, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu).

Khoảng cuối năm 2014, anh làm việc ở tỉnh Thái Bình vài tháng, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh muốn về ngoài Bắc làm ăn sinh sống, còn chị A không muốn về chung sống cùng anh ở miền Bắc mà vẫn muốn ở Bà Rịa- Vũng Tàu. Đến năm 2015 thì vợ chồng anh đưa con về quê ở L, Vĩnh Tường sống cùng gia đình anh được thời gian ngắn thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn do chị A không quen với cuộc sống của gia đình anh làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đến khoảng cuối tháng 4/2016 thì chị A bỏ nhà đi về nhà bố mẹ của chị A ở. Sau đó anh nghe nói chị A có quan hệ với người đàn ông khác và đi theo họ, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, chị A không về nhà anh chung sống nữa, không hỏi han hay về thăm các con lần nào.

Anh đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị A mất tích. Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã ra quyết định tuyên bố chị Phạm Trần Tuyết A mất tích. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Trần Tuyết A.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là các cháu: Lê Ngọc Tuyết M, sinh ngày 09/6/2012 và Lê Văn Phúc Đ, sinh ngày 17/4/2014, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn anh T đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai cháu M và Đ, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay anh đang làm tự do công việc hàn, xì, đóng thùng xe ô tô ở T, thu nhập hàng tháng từ 10 đến 11 triệu/1 tháng. Do đó anh có đủ khả năng để nuôi cả hai con chung. Anh đang ở tại nhà riêng ở xóm T, thôn T, xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, bố mẹ đẻ anh còn trẻ khỏe có thể hỗ trợ anh nuôi dưỡng chăm sóc, đưa đón các cháu đi học.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị A vẫn có hộ khẩu thường trú tại gia đình anh ở L, Vĩnh Tường, nhưng chị A không có mặt tại địa phương, chị A đi đâu và làm gì thì anh không biết.

Về án phí: Anh T nhất trí nộp cả.

*Bị đơn chị Phạm Trần Tuyết A*, ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã ra quyết định tuyên bố chị Phạm Trần Tuyết A mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2020/QĐST-VDS về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị

A, nhưng chị A đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23 tháng 11 năm 2020 của cháu Lê Ngọc Tuyết M là con chung của anh T, chị A trình bày nguyện vọng muốn được ở với bố.

*Xác minh tại địa phương cho biết:* Chị Phạm Trần Tuyết A và anh Lê Văn T không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, mà đăng ký kết hôn tại Vũng Tàu. Anh T và chị A kết hôn thời gian nào thì chính quyền địa phương không nắm được. Đến năm 2015 anh T và chị A đưa con về thôn T, xã L sinh sống, đến khoảng giữa hoặc cuối tháng 6/2016 thì chính quyền địa phương không thấy chị A chung sống cùng gia đình anh T ở thôn T, xã L nữa. Hộ khẩu của chị A hiện nay vẫn ở thôn T, xã L, huyện Vĩnh Tường nhưng chị A đi đâu làm gì thì chính quyền địa phương không biết vì chị A không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương. Từ đó đến nay chính quyền địa phương cũng không thấy chị A về địa phương. Được biết vào tháng 5/2020, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã tuyên bố chị Phạm Trần Tuyết A mất tích. Nay anh Lê Văn T có đơn xin ly hôn chị A, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đương sự.

Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Phạm Trần Tuyết A có 02 con chung là cháu Lê Ngọc Tuyết M, sinh ngày 09/6/2012, cháu Lê Văn Phúc Đ, sinh ngày 17/4/2014, hiện cháu M và cháu Đ đang ở với anh T. Nay anh T có đơn xin ly hôn chị A và xin được nuôi cả hai cháu M và Đ, Ủy ban nhân dân xã L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho cháu M và cháu Đ.

Về các mối quan hệ khác trong vụ án giữa anh T và chị A, Ủy ban nhân dân xã L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự. Ủy ban nhân dân xã L không nhận được bất kỳ đơn thư tố cáo của tổ chức hay cá nhân nào liên quan đến anh T hay chị A về hành vi vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị

A đã bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường ra quyết định tuyên bố mất tích, vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cho anh Lê Văn T được ly hôn chị Phạm Trần Tuyết A. Về con chung: Giao cho anh T được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Ngọc Tuyết M, sinh ngày 09/6/2012, cháu Lê Văn Phúc Đ, sinh ngày 17/4/2014. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức lao động các bên đương sự không yêu cầu, nên không xem xét.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Phạm Trần Tuyết A, sinh năm 1992; có hộ khẩu tại: Thôn T, xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với chị Phạm Trần Tuyết A, ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã ra quyết định tuyên bố chị Phạm Trần Tuyết A mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 03/2020/QĐST-VDS. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Phạm Trần Tuyết A đăng ký kết hôn với nhau ngày 05/12/2011, trước khi cưới có được tự do tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị A là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh T, chị A làm ăn sinh sống ở Vũng Tàu. Xem xét hôn nhân giữa anh T, chị A thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh T chị A có rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh T trình bày là do anh T muốn về ngoài Bắc làm ăn sinh sống, còn chị A không muốn về chung sống cùng anh ở

miền Bắc mà vẫn muốn ở Bà Rịa- Vũng Tàu. Đến năm 2015 thì vợ chồng anh chị đưa con về quê ở L, Vĩnh Tường sống cùng gia đình anh được thời gian ngắn thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn do chị A không quen với cuộc sống của gia đình anh nên anh chị đã xảy ra mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Đến khoảng cuối tháng 4/2016 thì chị A bỏ nhà đi về nhà bố mẹ của chị A ở. Sau đó anh nghe nói chị A có quan hệ với người đàn ông khác và đi theo họ, từ đó đến nay anh chị sống ly thân, chị A không về nhà anh chung sống nữa, không hỏi han hay về thăm các con lần nào. Anh đã làm đơn đề nghị Tòa án tuyên bố chị A mất tích. Ngày 18/5/2020, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường đã ra quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự về việc yêu cầu tuyên bố một người mất tích và quyết định tuyên bố chị Phạm Trần Tuyết A mất tích. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T, chị A đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về nuôi con chung: Anh T, chị A có 02 con chung là các cháu Lê Ngọc Tuyết M, sinh ngày 09/6/2012 và Lê Văn Phúc Đ, sinh ngày 17/4/2014, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn anh T đề nghị được tiếp tục nuôi cả hai cháu M và Đ, không yêu cầu chị A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh đang ở tại nhà riêng ở xóm T, thôn T, xã L, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, anh làm nghề tự do công việc hàn, xì, đóng thùng xe ô tô ở T, thu nhập hàng tháng từ 10 đến 11 triệu/1 tháng. Do đó anh có đủ khả năng để nuôi cả hai con chung. Bố mẹ đẻ anh còn trẻ khỏe có thể hỗ trợ anh nuôi dưỡng chăm sóc, đưa đón các cháu đi học. Hiện tại cháu M đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với bố là anh T.

Quá trình giải quyết vụ án chị A không đến Tòa án làm việc, không có quan điểm về việc nuôi con. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu M, cháu Đ, cần giao cháu M và cháu Đ cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] . Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp, công sức lao động: Anh T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản, công nợ, đất nông nghiệp và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo qui định của pháp luật.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh T phải chịu theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Lê Văn T được ly hôn chị Phạm Trần Tuyết A.
2. Về nuôi con chung: Anh Lê Văn T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Ngọc Tuyết M, sinh ngày 09/6/2012 và Lê Văn Phúc Đ, sinh ngày 17/4/2014, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh T. Chị A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.
4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0005119 ngày 05/10/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.
5. Quyền kháng cáo bản án: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đã ký**

**Hoàng Thị Quỳnh**